

Số: /TB-UBND

Thị trấn, ngày

tháng 9 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 12/9/2024 của UBND Thị trấn Hà Trung về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024.

UBND Thị trấn thông báo một số nội dung cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2024, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2025 và các năm tiếp theo.

##### 2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

#### II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

##### 1. Phạm vi

Thực hiện trên địa bàn toàn Thị trấn.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn Thị trấn.

### III. NỘI DUNG

#### 1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

##### 1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

###### a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

###### b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

##### 1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

###### a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

###### b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

###### c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

#### 2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

##### 2.1. Quy trình rà soát định kỳ

**Bước 1.** Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03).

Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn chủ trì, phối hợp với tiểu khu và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND Thị trấn đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, tiểu khu trưởng phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A)

để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn, lực lượng rà soát viên, tiểu khu trưởng chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

**Bước 2.** Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2).

Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn chủ trì, phối hợp với tiểu khu trưởng và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**Bước 3.** Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo Thị trấn, Tiểu khu trưởng (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ tiểu khu, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thị trấn giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở tiểu khu, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn).

**Bước 4.** Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại nhà văn hóa tiểu khu và trụ sở UBND Thị trấn; thông báo qua đài truyền thanh Thị trấn trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa và trụ sở UBND Thị trấn trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Thị trấn về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

**Bước 5.** Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ tịch UBND Thị trấn báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND Thị trấn, Chủ tịch UBND cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

**Bước 6.** Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chủ tịch UBND Thị trấn tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

**Lưu ý:** Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo yêu cầu chính xác thông tin cá nhân từng người (*họ và tên, năm sinh, quan hệ với chủ hộ, số căn cước công dân, dân tộc...*) trên cơ sở đối chiếu, thống nhất thông tin với dữ liệu đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. **Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo phải do Chủ tịch UBND Thị trấn trực tiếp ký duyệt.**

**Bước 7.** Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

UBND Thị trấn tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

**2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm**

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.

+ Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Quyết định này: quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

**2.3. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

+ Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành

kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở UBND Thị trấn trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

## **2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm**

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.

+ Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn Hà Trung.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn Hà Trung chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn Hà Trung thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Quyết định này: quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời gian rà soát: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

## **2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

### **3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

### 3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm B1 ≤ 175 điểm và điểm B2 ≥ 30 điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm B1 ≤ 175 điểm và điểm B2 < 30 điểm.

## 4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

### 3. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

+ Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn Hà Trung.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát Thị trấn tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở UBND Thị trấn trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

- Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

### 4. Thời gian tiến hành rà soát và báo cáo kết quả:

Từ ngày 26/9/2024 đến hết ngày 20/10/2024.

Vậy UBND Thị trấn thông báo để nhân dân nắm được thời gian thực hiện và quy trình để đảm bảo việc điều tra tiến hành chính xác và đúng tiến độ, đảm bảo quyền lợi cho nhân dân./.

***Nơi nhận:***

- TT ĐU, HĐND (b/c);
- Đài truyền thanh (t/b);
- 10 ông tiểu khu trưởng(t/h);
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Luyện**